

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Mùi

Ông Trần Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 15/TB-TA ngày 16/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – sinh năm 1996

Cư trú tại: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1985

Cư trú tại: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 03/8/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ chồng một thời gian ngắn rồi ra ở riêng. Khi ra ở riêng thì bắt đầu mâu thuẫn, không tin tưởng nhau như trước. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ việc quan hệ vợ chồng, nhiều hôm chị đi làm về mệt hay những lần anh Đ say rượu, chị không muốn quan hệ nhưng anh Đ vẫn muốn. Mặc dù đã nói là mình mệt, không muốn quan hệ nhưng anh Đ không nghe nên nhiều lần chị chỉ miễn cưỡng quan

hệ và cảm thấy rất mệt mỏi. Từ việc này chị T cảm thấy anh Đ không hề thông cảm cho chị. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 8/2018, hôm đó anh Đ say rượu và muốn quan hệ nhưng chị không đồng ý nên anh Đ đã đánh chị. Sau khi bị đánh chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng tôi ly thân từ đó. Từ khi ly thân đến nay, anh Đ có liên lạc, xin lỗi và động viên chị đoàn tụ nhưng chị không thể tha thứ cho anh, chị đã cho anh Đ rất nhiều cơ hội nhưng anh không hề thay đổi. Không nhưng thế, từ việc không muốn quan hệ anh Đ còn sinh ra nghi ngờ chị có người khác trong khi thực tế chị không có ai, chị T đã nhiều lần nói không có nhưng anh Đ không tin. Đến nay chị cảm thấy anh Đ không còn tin tưởng mình nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Trong bản tự khai và quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Anh muốn thân mật quan hệ với vợ nhưng nhiều khi vợ anh không đồng ý nên anh rất buồn, rất suy nghĩ, có đồng ý quan hệ cũng rất gượng ép. Tháng 8/2018, anh có uống rượu, muốn gần gũi với chị T nhưng không được nên anh bực và cãi nhau với chị T, vì tức quá nên anh có đánh chị T. Sau hôm đó chị T đã về nhà ngoại ở và vợ chồng ly thân. Sau khi vợ chồng ly thân, anh đã xin lỗi và động viên chị T quay về nhưng chị không về, nhất quyết muốn ly hôn. Anh vẫn xác định mình rất yêu vợ và còn tình cảm với vợ, anh không nhất trí ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Trung N sinh ngày 28/12/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Ly hôn, chị T và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã cung cấp chứng cứ chứng minh chị có điều kiện về chỗ ở, thu nhập đủ để trực tiếp nuôi con, anh Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều xác nhận là không có.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Trung N cho mẹ cháu là chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh Đ đều không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.
- Về công sức đóng góp: Không có nên không phải giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hòa thuận không lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy chuyện quan hệ vợ chồng là chuyện riêng tư nhưng việc nhiều lần miễn cưỡng quan hệ khi bản thân không muốn khiến chị T mệt mỏi về thể chất và tinh thần. Sự việc kéo dài khiến cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Không chỉ vậy, việc anh Đ đánh chị T vì không được quan hệ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn tới ly thân. Sau khi vợ chồng ly thân, ngoài việc nói chuyện với chị T anh Đ không có biện pháp nào khác để giải quyết mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đều giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn anh Đ thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Tài liệu chứng cứ đã giao nộp thể hiện chị Trần Thị T có điều kiện về chỗ ở và thu nhập đủ để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Trung N. Trong suốt quá trình giải quyết đến tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Đ không nộp tài liệu chứng cứ gì nên Tòa án không có cơ sở đánh giá về điều kiện nuôi con của anh Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Nguyễn Trần Trung N sinh ngày 28/12/2015, tính đến phiên tòa hôm nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nếu chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bên cạnh đó, kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ thể hiện Hội ủng hộ việc giao cháu N cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, xét nguyên nhân khiến vợ chồng mâu thuẫn thì anh Đ là bên có lỗi (như đã phân tích ở mục [1]). Như vậy, việc giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần chấp nhận.

Xét thấy, việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản, vay nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về công sức đóng góp: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 165 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xử: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Trung N sinh ngày 28/12/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ giao cháu N cho chị T kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cho chị T, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về công sức đóng góp: Không có.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số: AA/2017/0002924 ngày 18/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người phải thi hành án cố ý không chấp hành bản án, không tự nguyện thi hành các quyết định về thi hành án thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Viết Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Anh

